|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAISố: /2020/QN-HĐND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*Đồng Nai, ngày tháng năm 2020* |

**Đề cương dự thảo Nghị quyết**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**KHÓA……KỲ HỌP THỨ…….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số……/TTr-UBND ngày……tháng…..năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh* *đề nghị xây dựng* *Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024 với những nội dung sau đây:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động sản xuất chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại Khoản 4 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đầy đủ các thủ tục pháp lý và đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Nguồn vốn hỗ trợ do ngân sách tỉnh cân đối và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có).

d) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Nội dung, mức hỗ trợ và điều kiện, thời gian hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực đến 31/12/2024 sẽ được hỗ trợ chi phí di dời như sau:

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 4 triệu đồng/cơ sở.

+ Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 6 triệu đồng/cơ sở.

- Điều kiện được hỗ trợ:

+ Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh mục phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

+ Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT).

+ Hoàn tất thủ tục xây dựng chuồng trại, thủ tục về môi trường theo quy định tại địa điểm mới.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư dự án chăn mới.

- Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên hợp đồng tín dụng.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh mục phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

+ Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT).

+ Hoàn tất thủ tục xây dựng chuồng trại, thủ tục về môi trường theo quy định tại địa điểm mới.

**Điều 2. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực thuộc không được phép chăn nuôi, cụ thể:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các trang trại quy mô lớn.

2. Ngân sách huyện hỗ trợ cho các trang trại quy mô vừa, trang trại quy mô nhỏ và quy mô hộ gia đình.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

b) Cân đối nguồn ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi không được phép chăn nuôi theo quy định này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

 3. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa….Kỳ hợp thứ……thông qua ngày ……tháng……năm……….và có hiệu lực từ ngày……………./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);- Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;- Các sở, ban, ngành tỉnh;- Văn phòng Tỉnh ủy;- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Văn phòng UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;- Báo ĐN, Báo LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;- Trung tâm Công báo;- Lưu: VT. |  **CHỦ TỊCH** |